

được nếu biểu thị ΔD và ΔS như sau:

$$(TA.3) \quad \Delta D = q_d \left(\frac{P\Delta D}{-q_d\Delta P} \right) \frac{\Delta P}{P} = -\eta q_d \frac{\Delta P}{P}$$

$$(TA.4) \quad \Delta S = q_s \left(\frac{P\Delta S}{q_s\Delta P} \right) \frac{\Delta P}{P} = \varepsilon q_s \frac{\Delta P}{P}$$

Nếu chúng ta thay thế những phương trình này vào phương trình (TA.2) thì sẽ có:

$$(TA.5) \quad P \left(\frac{\varepsilon q_s}{\varepsilon q_s - \eta q_d} \right) - P \left(\frac{\eta q_d}{\varepsilon q_s - \eta q_d} \right)$$

trong đó η là độ co giãn của cầu theo chính giá của nó và là độ co giãn của cung theo chính giá của nó. Phương trình (TA.5) đơn giản cho biết giá trị đơn vị mà xã hội gán cho các đơn vị hàng hoá chuyển qua cho dự án bằng giá thị trường của hàng hoá đó. Điều này cũng chính là điều mà chúng ta dự kiến trong trường hợp đơn giản khi không có méo mó.

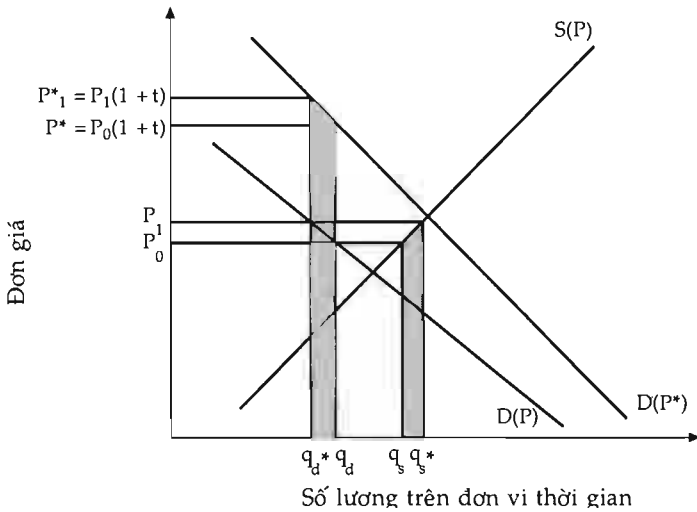
Tác động của việc đưa sự bóp méo vào thị trường là nó gây ra sự chênh lệch giữa chi phí xã hội và chi phí tư nhân của việc tiêu dùng và sản xuất hàng hoá. Để minh họa, chúng ta đưa sự bóp méo vào dưới dạng một loại thuế tiêu thụ đặc biệt đánh theo tỉ lệ phần trăm của giá hàng hoá (xem hình TA.2). Mặc dù sự bóp méo cụ thể này là dưới dạng đánh thuế, nhưng cách tiếp cận lý thuyết này vẫn giống nhau bất kể bản chất của sự bóp méo như thế nào.

Chúng ta có thể minh họa tác động của thuế tiêu thụ đặc biệt là sự chuyển dịch đường cầu sang trái, với khoảng cách dọc giữa hai đường cầu cho biết giá trị của mức thuế. Như trên đây đã thấy, tại điểm cân bằng ban đầu, giá thị trường là P_0 . Chính phủ mua $q_s - q_d$. Sự khác biệt với trường hợp trước là người sản xuất nhận được P_0 cho mỗi đơn vị hàng hoá được bán, trong khi người tiêu dùng phải trả $P_0^* = P_0(1 + t)$. Vì tác động bóp méo của thuế tiêu thụ đặc biệt nên giá mà người sản xuất nhận được khác với giá mà người tiêu dùng phải trả. Khi cầu của chính phủ về hàng hoá tăng đến $q_s^* - q_d^*$, chính phủ đã làm giá tăng

từ P_0 đến P_1 . Giá cao hơn khiến người tiêu dùng giảm mua sắm của mình và người sản xuất tăng sản xuất của họ. Do tiêu dùng giảm, chính phủ thất thu doanh thu thuế mà không bù lại bằng lợi ích tư nhân, nên lượng tổn thất là $(P_0^* - P_0)(q_d - q_d^*)$.¹

Ngoài ra, người tiêu dùng còn giảm tiêu dùng của mình một lượng bằng $P_0(q_d^* - q_d)$. Cuối cùng, người tiêu dùng cũng thiệt hại trong thặng dư tiêu dùng một lượng bằng $1/2(P_1^* - P_0^*)(q_d^* - q_d)$. Khi đó, xã hội sẽ gán một giá trị cho những hàng hoá

Hình TA.2 Giá kinh tế của hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt



1. Khi thuế đang xét là một lượng cho trước bằng T trên một đơn vị sản phẩm (chẳng hạn 10 xu trên một kilô) thì chi phí tăng thêm đi kèm với sự chuyển dịch cầu chỉ đơn thuần là TD . Tuy nhiên, khi thuế được tính theo giá trị thì sự thay đổi trong doanh thu của chính phủ là $t(p_1q_d^* - p_0q_d)$, hay có thể viết thành $t_{qd}\Delta DP - P_0D_q$. Trong trường hợp này, chỉ có số hạng thứ hai được xuất hiện trong tính toán chi phí kinh tế. Phần tổn thất của chính phủ xuất phát từ $t_{qd}\Delta DP$ được bù lại bằng phần lợi ích mà người có cầu và người sản xuất được hưởng.

chuyển sang cho dự án bằng tổng ba lượng này, mà tổng đó bằng diện tích tô đậm dưới đường cầu $D(P^*)$. Tương tự, diện tích tô đậm dưới đường cung là chi phí sản xuất các đơn vị hàng hoá tăng thêm cho dự án. Diện tích tô đậm dưới đường cung và cầu là tổng chi phí cho xã hội của những đơn vị hàng hoá chuyển sang cho dự án:

$$(TA.6) \quad P^* \Delta D + 1/2 \Delta P^* \Delta D + P \Delta S + 1/2 \Delta P \Delta S$$

Lại bỏ qua phần tổn thất trong thặng dư tiêu dùng và phần thu lại trong thặng dư sản xuất và biểu thị chi phí đơn vị cho xã hội dưới dạng độ co giãn, chúng ta có một phương trình tương tự như phương trình (TA.5)

$$(TA.7) \quad UV = P \left(\frac{\epsilon q_s}{\epsilon q_s - \eta q_d} \right) - P^* \left(\frac{\eta q_d}{\epsilon q_s - \eta q_d} \right)$$

Việc giải phương trình (TA.7) rất trực tiếp: giá trị đơn vị UV đối với xã hội của mỗi đơn vị hàng hoá được chuyển từ khu vực tư nhân sang dự án của chính phủ bằng bình quân gia quyền của mức giá mà người tiêu dùng thực sự phải trả với mức giá mà người sản xuất nhận được. Quyền số tỉ lệ thuận với độ co giãn của cầu và cung và với lượng cung và cầu lúc đầu. Nếu cầu hoàn toàn không co giãn ($\eta = 0$), thì người tiêu dùng sẽ không giảm tiêu dùng hàng hoá của họ, và cầu tăng thêm của dự án sẽ phải được đáp ứng hoàn toàn bằng việc sản xuất thêm. Trong trường hợp này, mức giá thích hợp sẽ là giá cung. Nếu ngược lại, đường cung là hoàn toàn không co giãn ($\epsilon = 0$), thì cầu tăng thêm của dự án sẽ phải lấy từ tiêu dùng từ bỏ, trong trường hợp này mức giá thích hợp là giá cầu. Trong hầu hết các trường hợp, chẳng có đường cung hay cầu nào hoàn toàn không co giãn, và mức giá thích hợp sẽ phải là bình quân gia quyền giữa hai mức giá. Chúng ta có thể áp dụng khung lý luận cơ bản này để đo lường chi phí cơ hội xã hội của hàng hoá không tham gia ngoại thương, hàng hoá tham gia ngoại thương, vốn, ngoại hối, và lao động.